

I. Trắc nghiệm (7 điểm): Tô và phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng.

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

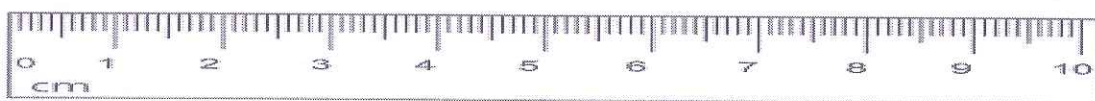
Câu 1. Cân một túi hoa quả, kết quả là 1234 g. ĐCNN của cân đã dùng là

- A. 100g. B. 5 g. C. 1 g. D. 10g.

Câu 2. Kính lúp là dụng cụ có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát:

- A. Khoảng từ 3 đến 20 lần B. Khoảng 40 đến 3000 lần
C. Khoảng từ 40 đến 60 lần D. Khoảng 10 đến 1000 lần

Câu 3. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước đo bên dưới lần lượt là



- A. 10cm và 0,1cm B. 10 cm và 1cm C. 10 mm và 0,1 mm D. 10 mm và 1mm

Câu 4. Khi tiến hành làm thí nghiệm trong phòng thực hành, việc nào sau đây là *không* đảm bảo nguyên tắc an toàn?

- A. Khi vào phòng học sinh thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.
B. Khi thấy đèn cồn đang cháy yếu, có thể rót thêm cồn để đèn cháy mạnh hơn.
C. Khi muốn tắt đèn cồn, học sinh dùng nắp đậy kín cho đến khi lửa tắt hẳn
D. Khi đun nước sôi trong ống nghiệm, học sinh dùng kẹp để kẹp ống nghiệm, hướng đầu ống nghiệm ra phía không có người.

Câu 5. Người ta sử dụng đơn vị nào sau đây để đo thể tích?

- A. mét khối B. độ C C. mét D. kilogam

Câu 6. Theo thang nhiệt độ Xen-xi-út nhiệt độ nước đang sôi là

- A. 0°C B. 71°C C. 100°C D. 37°C

Câu 7. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100 m, loại đồng hồ thích hợp nhất là

- A. đồng hồ cát. B. đồng hồ bấm giây.
C. đồng hồ treo tường. D. đồng hồ để bàn.

Câu 8. Kí hiệu trong hình sau cảnh báo điều gì?



- A. Bình thủy tinh dễ vỡ B. Chất ăn mòn
C. Chất dễ cháy D. Nguồn điện nguy hiểm

Câu 9. Khi mở lọ nước hoa, một lúc sau ta có thể ngửi thấy mùi nước hoa. Điều này thể hiện tính chất nào của chất khí?

- A. Dễ dàng lan tỏa trong không gian B. Khó bị nén
C. Có hình dạng cố định D. Không chảy được

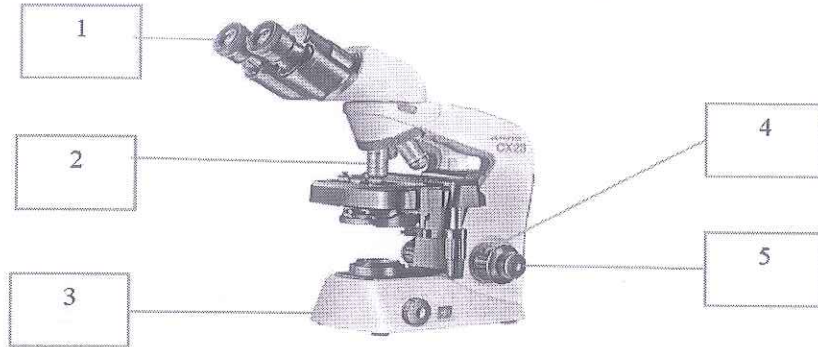
Câu 10. Khi tiến hành đo độ dài của một vật, các thao tác sau đây là sai?

- A. Trước khi đo, cần chọn thước đo phù hợp.
B. Khi đo có thể đặt thước nghiêng để đo cho nhanh.
C. Khi đọc kết quả, mắt phải nhìn thẳng vuông góc với vạch chia trên thước.
D. Kết quả đo ghi theo ĐCNN của thước.

Câu 11. Giới hạn đo của thước là

- A. độ dài lớn nhất ghi trên thước
- B. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước
- C. độ dài giữa hai vạch bất kì trên thước
- D. độ dài nhỏ nhất ghi trên thước

Câu 12. Các bộ phận được chú thích trong hình sau lần lượt là:



Cấu tạo kính hiển vi quang học

- A. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc to, 4. ốc nhỏ, 5. chân kính
- B. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc to, 5. ốc nhỏ
- C. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc nhỏ, 5. ốc to
- D. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc nhỏ, 4. ốc to, 5. chân kính

Câu 13. Ý nào dưới đây là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

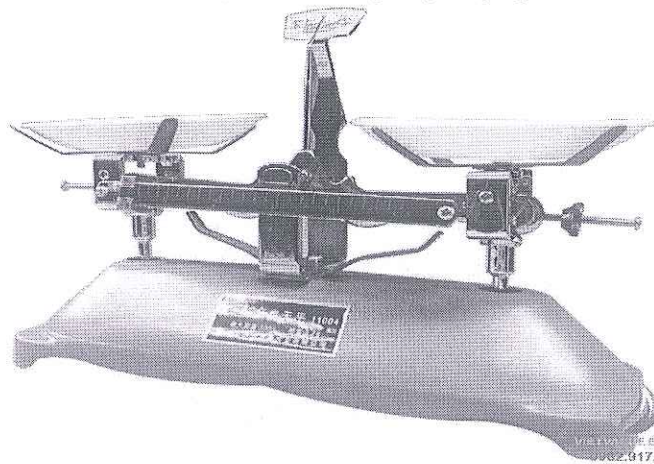
- A. Nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người
- B. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu
- C. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị
- D. Nghiên cứu lịch sử thế giới

Câu 14. Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Khoa học Trái đất
- B. Tâm lý học
- C. Sinh học
- D. Vật lý

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một học sinh dùng dụng cụ sau để cân một vật nặng.



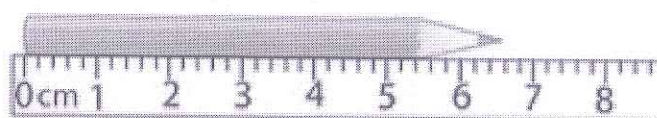
- a. Tên gọi của dụng cụ trên là cân Rôbécvan.
- b. Nếu cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng các quả cân.
- c. Nếu sau khi cân thăng bằng, lấy bớt 1 quả cân ra khỏi đĩa cân, cân sẽ lệch về phía chứa vật.
- d. Giả sử vật kim loại ban đầu nặng 550g, để cân thăng bằng học sinh có thể sử dụng 1 quả cân 200g, 2 quả cân 100g và 1 quả cân 50g.

Câu 2: Một học sinh dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ của nước đang sôi và nhiệt độ phòng. Sau đó, thực hiện chuyển đổi phép tính giữa các thang đo nhiệt độ.

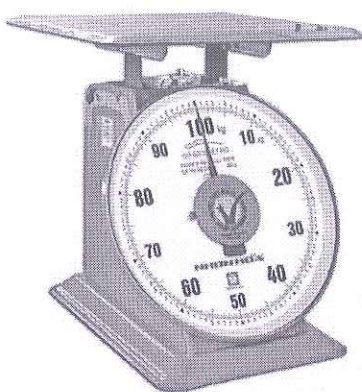
- Khi nhúng nhiệt kế vào nước đang sôi, nhiệt kế chỉ 0°C .
- Khi đo nhiệt độ phòng, nhiệt kế chỉ 25°C . Nhiệt độ này tương ứng với 50°F .
- Khi nhúng nhiệt kế vào nước đá đang tan, nhiệt độ khi đó ứng với 0°F .
- Sau khi đo nhiệt độ phòng, học sinh mang nhiệt kế ra ngoài trời, nhiệt kế thủy ngân tăng cao thêm 2cm. Biết rằng 1cm tương ứng với 5°C . Vậy nhiệt độ ngoài trời khi đó là 35°C .

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Độ dài của chiếc bút chì trong hình vẽ sau là bao nhiêu cm?



Câu 2: Giới hạn đo của chiếc cân sau là bao nhiêu kg?



Câu 3: Một người đi máy bay từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh hết 2 giờ 05 phút. Thời gian này tương ứng với bao nhiêu phút?

Câu 4: Một xe hàng chở 2200kg vật phẩm. Khối lượng này ứng với bao nhiêu tạ?

Câu 5: Một bình tràn có thể chứa tối đa 100cm^3 nước, người ta đổ vào bình 70cm^3 . Khi thả chìm một hòn đá vào trong bình thấy nước tràn ra 10cm^3 . Thể tích của hòn đá bằng bao nhiêu?

Câu 6: Có 3 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 200g đường nữa. Khối lượng của 3 túi đường khi đó là bao nhiêu kg?

II. Tự luận (3 điểm): Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu trả lời tự luận.

Câu 1 (1 điểm): Trình bày cách sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân.

Câu 2 (1,5 điểm): Các hiện tượng sau là ví dụ của sự chuyển thể nào?

- Băng tan thành nước.
- Nước trong chậu cạn dần khi phơi nắng.
- Hơi nước đọng lại thành giọt sương buổi sáng sớm.
- Nước đóng băng trong tủ lạnh.
- Nước biển sau khi phơi nắng còn lại muối ăn.
- Bơ hoặc mỡ nóng để nguội thì đông lại.

Câu 3 (0,5 điểm): Cho 4 loại thước sau:

- Thước 1: Thước thẳng có GHĐ 1m, ĐCNN 1cm.
- Thước 2: Thước kẻ có GHĐ 20cm, ĐCNN 1mm
- Thước 3: Thước cuộn có GHĐ 3m, ĐCNN 0,1cm
- Thước 4: Thước dây có GHĐ 1m, ĐCNN 0,1cm

Em hãy chọn thước đo phù hợp để đo:

- Chiều dài chiếc bút bi
- Chiều dài chiếc bàn học

I. Trắc nghiệm (7 điểm): Tô và phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng.

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kính lúp là dụng cụ có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát:

- A. Khoảng từ 3 đến 20 lần
B. Khoảng từ 40 đến 60 lần
C. Khoảng 10 đến 1000 lần
D. Khoảng 40 đến 3000 lần

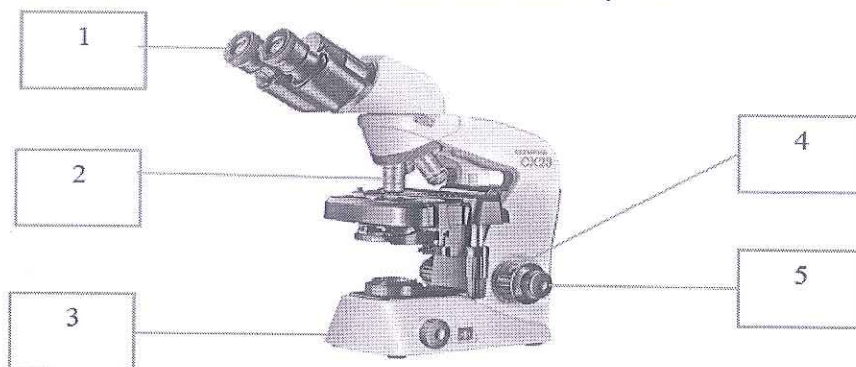
Câu 2. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100 m, loại đồng hồ thích hợp nhất là

- A. đồng hồ để bàn.
B. đồng hồ treo tường.
C. đồng hồ cát.
D. đồng hồ bấm giây.

Câu 3. Khi tiến hành đo độ dài của một vật, các thao tác sau đây là sai?

- A. Có thể dùng bất kỳ loại thước nào, miễn có vạch chia.
B. Khi đo cần đặt mắt vuông góc với vạch chia trên thước.
C. Khi đọc kết quả, mắt phải nhìn thẳng vuông góc với vạch chia trên thước.
D. Kết quả đo ghi theo ĐCNN của thước.

Câu 4. Các bộ phận được chú thích trong hình sau lần lượt là:



Cấu tạo kính hiển vi quang học

- A. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc to, 5. ốc nhỏ
B. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc to, 4. ốc nhỏ, 5. chân kính
C. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc nhỏ, 5. ốc to
D. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc nhỏ, 4. ốc to, 5. chân kính

Câu 5. Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Khoa học Trái đất B. Sinh học C. Tâm lý học D. Vật lý

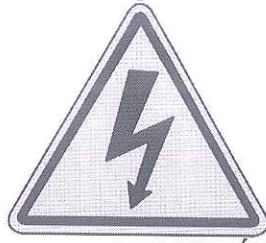
Câu 6. Khi tiến hành làm thí nghiệm trong phòng thực hành, việc nào sau đây là *không* đảm bảo nguyên tắc an toàn?

- A. Khi vào phòng học sinh thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.
B. Khi muốn tắt đèn còn, học sinh dùng nắp đậy kín cho đến khi lửa tắt hẳn
C. Khi thấy đèn còn đang cháy yếu, có thể rót thêm cồn để đèn cháy mạnh hơn.
D. Khi đun nước sôi trong ống nghiệm, học sinh dùng kẹp để kẹp ống nghiệm, hướng đầu ống nghiệm ra phía không có người.

Câu 7. Độ chia nhỏ nhất của thước là

- A. độ dài nhỏ nhất ghi trên thước
B. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước
C. độ dài lớn nhất ghi trên thước
D. độ dài giữa hai vạch bất kỳ trên thước

Câu 8. Kí hiệu trong hình sau cảnh báo điều gì?



A. Chất dễ cháy

B. Chất ăn mòn

C. Bình thủy tinh dễ vỡ

D. Nguồn điện nguy hiểm

Câu 9. Cân một túi hoa quả, kết quả là 1235 g. ĐCNN của cân đã dùng là

A. 5 g.

B. 20 g.

C. 100g.

D. 10g.

Câu 10. Ta có thể đi được trên mặt nước đóng băng đủ dày. Điều này thể hiện tính chất nào của chất rắn?

A. Dễ dàng lan tỏa trong không gian

B. Không chảy được

C. Có hình dạng của vật chứa nó

D. Có hình dạng cố định, không bị nén

Câu 11. Theo thang nhiệt độ Xen-xi-út nhiệt độ nước đang tan là

A. 0°C

B. 37°C

C. 100°C

D. 71°C

Câu 12. Ý nào dưới đây là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

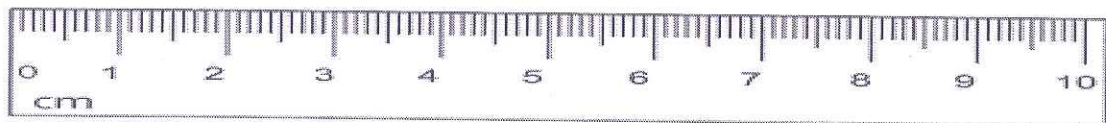
A. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị

B. Nghiên cứu lịch sử thế giới

C. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

D. Nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người

Câu 13. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước đo bên dưới lần lượt là



A. 10 cm và 1cm

B. 10 mm và 0,1 mm

C. 10cm và 0,1cm

D. 10 mm và 1mm

Câu 14. Người ta sử dụng đơn vị nào sau đây để đo khối lượng?

A. mét khối

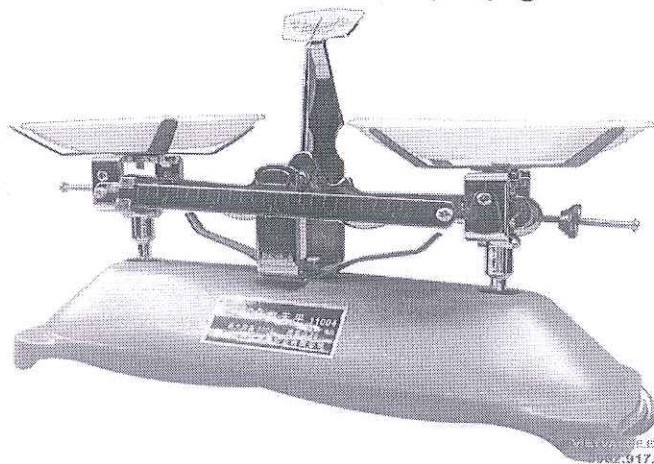
B. mét

C. kilogam

D. độ C

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một học sinh dùng dụng cụ sau để cân một vật nặng.



a. Tên gọi của dụng cụ trên là cân đòn..

b. Nếu cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng các quả cân.

c. Nếu sau khi cân thăng bằng, đặt thêm một quả cân về phía không chứa vật, cân sẽ lệch về phía chứa vật.

d. Giả sử vật kim loại ban đầu nặng 550g, để cân thăng bằng học sinh có thể sử dụng 2 quả cân 200g, 2 quả cân 100g và 1 quả cân 50g.

Câu 2: Một học sinh dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ của nước đang sôi và nhiệt độ phòng. Sau đó, thực hiện chuyển đổi phép tính giữa các thang đo nhiệt độ.

a. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đang sôi, nhiệt kế chỉ 100°C .

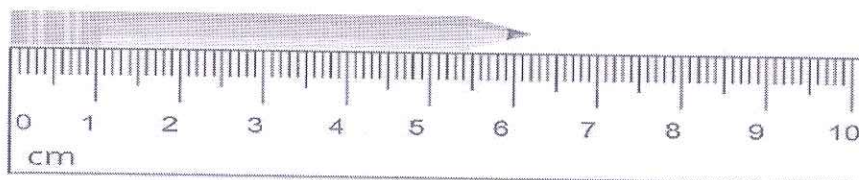
b. Khi đo nhiệt độ phòng, nhiệt kế chỉ 28°C . Nhiệt độ này tương ứng với 50°F .

c. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đá đang tan, nhiệt độ khi đó ứng với 20°F .

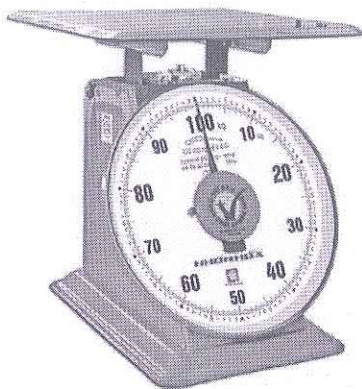
d. Sau khi đo nhiệt độ phòng, học sinh mang nhiệt kế ra ngoài trời, nhiệt kế thủy ngân tăng cao thêm 2cm. Biết rằng 1cm tương ứng với 5°C . Vậy nhiệt độ ngoài trời khi đó là 40°C .

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Độ dài của chiếc bút chì trong hình vẽ sau là bao nhiêu cm?



Câu 2: Giới hạn đo của chiếc cân sau là bao nhiêu kg?



Câu 3: Một người đi ô tô từ Hà Nội đến Hải Phòng hết 2 giờ 05 phút. Thời gian này tương ứng với bao nhiêu phút?

Câu 4: Một xe hàng chở 200kg vật phẩm. Khối lượng này ứng với bao nhiêu tạ?

Câu 5: Một bình tràn có GHĐ 150cm^3 nước, người ta đổ vào bình 120cm^3 . Khi thả chìm một hòn đá vào trong bình thấy nước tràn ra 15cm^3 . Thể tích của hòn đá bằng bao nhiêu?

Câu 6: Có 3 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 200g đường nữa. Khối lượng của 3 túi đường khi đó là bao nhiêu kg?

II. Tự luận (3 điểm): Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu trả lời tự luận.

Câu 1 (1 điểm): Trình bày cách sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân.

Câu 2 (1,5 điểm): Các hiện tượng sau là ví dụ của sự chuyển thể nào?

- Cồn để ngoài không khí một thời gian cạn dần.
- Nước đọng trên nắp nồi khi đun nước.
- Hơi nước đọng lại thành giọt sương buổi sáng sớm.
- Kem bị tan chảy khi mang ra nắng.
- Nước biển sau khi phơi nắng còn lại muối ăn.
- Bơ hoặc mỡ nóng để nguội thì đông lại.

Câu 3 (0,5 điểm): Cho 4 loại thước sau:

- Thước 1: Thước thẳng có GHĐ 50cm, ĐCNN 1mm
- Thước 2: Thước kẻ có GHĐ 10cm, ĐCNN 1cm
- Thước 3: Thước cuộn có GHĐ 5m, ĐCNN 1cm
- Thước 4: Thước dây có GHĐ 1m, ĐCNN 0,1cm

Em hãy chọn thước đo phù hợp để đo:

- Chiều dài của lớp học
- Chiều dài bàn chân em

I. Trắc nghiệm (7 điểm): Tô và phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng.

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kính lúp là dụng cụ có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát:

- A. Khoảng từ 40 đến 60 lần
B. Khoảng 10 đến 1000 lần
C. Khoảng 40 đến 3000 lần
D. Khoảng từ 3 đến 20 lần

Câu 2. Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Vật lý
B. Sinh học
C. Khoa học Trái đất
D. Tâm lý học

Câu 3. Ý nào dưới đây là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

- A. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu
B. Nghiên cứu lịch sử thế giới
C. Nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người
D. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị

Câu 4. Theo thang nhiệt độ Xen-xi-út nhiệt độ nước đang sôi là

- A. 100°C
B. 37°C
C. 0°C
D. 71°C

Câu 5. Cân một túi hoa quả, kết quả là 1230 g. ĐCNN của cân đã dùng là

- A. 50 g.
B. 1 g.
C. 100g.
D. 10g.

Câu 6. Người ta sử dụng đơn vị nào sau đây để đo nhiệt độ?

- A. độ C
B. kilogam
C. mét
D. mét khối

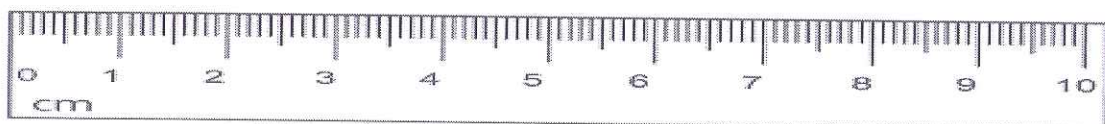
Câu 7. Khi tiến hành đo độ dài của một vật, các thao tác sau đây là sai?

- A. Trước khi đo, cần chọn thước đo phù hợp.
B. Khi đo có thể đặt thước nghiêng để đo cho nhanh.
C. Khi đọc kết quả, mắt phải nhìn thẳng vuông góc với vạch chia trên thước.
D. Kết quả đo ghi theo ĐCNN của thước.

Câu 8. Khi tiến hành làm thí nghiệm trong phòng thực hành, việc nào sau đây là *không* đảm bảo nguyên tắc an toàn?

- A. Khi vào phòng học sinh thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.
B. Khi muốn tắt đèn còn, học sinh dùng nắp đậy kín cho đến khi lửa tắt hẳn
C. Khi đun nước sôi trong ống nghiệm, học sinh dùng kẹp để kẹp ống nghiệm, hướng đầu ống nghiệm ra phía không có người.
D. Khi thấy đèn còn đang cháy yếu, có thể rót thêm cồn để đèn cháy mạnh hơn.

Câu 9. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước đo bên dưới lần lượt là

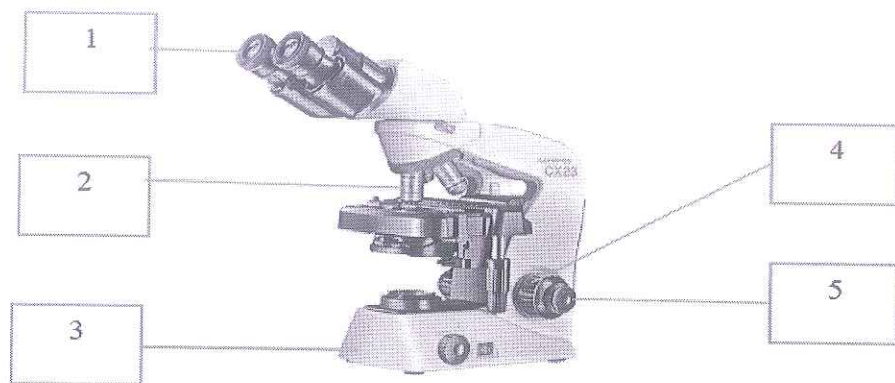


- A. 10 mm và 1mm
B. 10cm và 0,1cm
C. 10 mm và 0,1 mm
D. 10 cm và 1cm

Câu 10. Khi mở lọ nước hoa, một lúc sau ta có thể ngửi thấy mùi nước hoa. Điều này thể hiện tính chất nào của chất khí?

- A. Không chảy được
B. Dễ dàng lan tỏa trong không gian
C. Có hình dạng cố định
D. Khó bị nén

Câu 11. Các bộ phận được chú thích trong hình sau lần lượt là:



Cấu tạo kính hiển vi quang học

- A. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc nhỏ, 5. ốc to
 B. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc nhỏ, 4. ốc to, 5. chân kính
 C. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc to, 4. ốc nhỏ, 5. chân kính
 D. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc to, 5. ốc nhỏ

Câu 12. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100 m, loại đồng hồ thích hợp nhất là

- A. đồng hồ cát.
 B. đồng hồ bấm giây.
 C. đồng hồ để bàn.
 D. đồng hồ treo tường.

Câu 13. Giới hạn đo của thước là

- A. độ dài lớn nhất ghi trên thước
 B. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước
 C. độ dài nhỏ nhất ghi trên thước
 D. độ dài giữa hai vạch bất kì trên thước

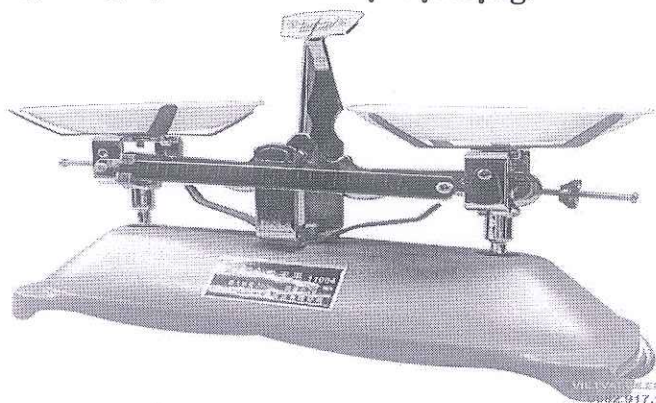
Câu 14. Kí hiệu trong hình sau cảnh báo điều gì?



- A. Chất ăn mòn
 B. Chất độc sinh học
 C. Bình thủy tinh dễ vỡ
 D. Nguồn điện nguy hiểm

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một học sinh dùng dụng cụ sau để cân một vật nặng.



- a. Tên gọi của dụng cụ trên là cân tiểu li.
 b. Nếu cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng các quả cân.
 c. Nếu sau khi cân thăng bằng, lấy bớt 1 quả cân ra khỏi đĩa cân, cân sẽ lệch về phía không chứa vật.

d. Giả sử vật kim loại ban đầu nặng 520g, để cân thăng bằng học sinh có thể sử dụng 1 quả cân 200g, 2 quả cân 100g và 1 quả cân 20g.

Câu 2: Một học sinh dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ của nước đang sôi và nhiệt độ phòng. Sau đó, thực hiện chuyển đổi phép tính giữa các thang đo nhiệt độ.

a. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đang sôi, nhiệt kế chỉ 0°C .

b. Khi đo nhiệt độ phòng, nhiệt kế chỉ 35°C . Nhiệt độ này tương ứng với 95°F .

c. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đá đang tan, nhiệt độ khi đó ứng với 18°F .

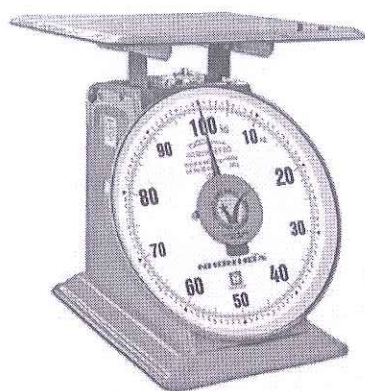
d. Sau khi đo nhiệt độ phòng, học sinh mang nhiệt kế ra ngoài trời, nhiệt kế thủy ngân tăng cao thêm 2cm. Biết rằng 1cm tương ứng với 5°C . Vậy nhiệt độ ngoài trời khi đó là 50°C .

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Độ dài của chiếc bút chì trong hình vẽ sau là bao nhiêu cm?



Câu 2: Giới hạn đo của chiếc cân sau là bao nhiêu kg?



Câu 3: Một người đi máy bay từ Hà Nội đến Tokyo hết 4 giờ 45 phút. Thời gian này tương ứng với bao nhiêu phút?

Câu 4: Một xe hàng chở 2200kg vật phẩm. Khối lượng này ứng với bao nhiêu tấn?

Câu 5: Một bình tràn có GHĐ 120cm^3 nước, người ta đổ vào bình 100cm^3 . Khi thả chìm một hòn đá vào trong bình thấy nước tràn ra 10cm^3 . Thể tích của hòn đá bằng bao nhiêu?

Câu 6: Có 3 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 100g đường nữa. Khối lượng của 3 túi đường khi đó là bao nhiêu kg?

II. Tự luận (3 điểm): Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu trả lời tự luận.

Câu 1 (1 điểm): Trình bày cách sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân.

Câu 2 (1,5 điểm): Các hiện tượng sau là ví dụ của sự chuyển thể nào?

a. Băng tan thành nước.

b. Đổ cốc nước lạnh ngoài không khí, một lúc sau thấy nước đọng trên thành cốc.

c. Kem để trong tủ lạnh thì đông lại.

d. Nước đóng băng trong tủ lạnh.

e. Nước biển sau khi phơi nắng còn lại muối ăn.

g. Bơ hoặc mỡ khi đun nóng chảy ra.

Câu 3 (0,5 điểm): Cho 4 loại thước sau:

- Thước 1: Thước thẳng có GHĐ 1m, ĐCNN 1cm

- Thước 2: Thước kẻ có GHĐ 20cm, ĐCNN 1mm

- Thước 3: Thước cuộn có GHĐ 3m, ĐCNN 1cm

- Thước 4: Thước dây có GHĐ 2m, ĐCNN 0,1cm

Em hãy chọn thước đo phù hợp để đo:

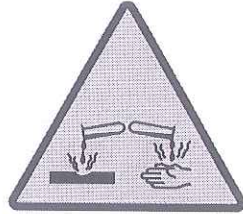
a. Vòng eo của em

b. Chiều dài chiếc bút chì

I. Trắc nghiệm (7 điểm): Tô và phiếu trả lời trắc nghiệm đáp án đúng.

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kí hiệu trong hình sau cảnh báo điều gì?



A. Nguồn điện nguy hiểm

B. Bình thủy tinh dễ vỡ

C. Chất ăn mòn

D. Chất dễ cháy

Câu 2. Ý nào dưới đây là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

A. Nghiên cứu lịch sử thế giới

B. Nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người

C. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

D. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị

Câu 3. Độ chia nhỏ nhất của thước là

A. độ dài giữa hai vạch bất kì trên thước

B. độ dài nhỏ nhất ghi trên thước

C. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước

D. độ dài lớn nhất ghi trên thước

Câu 4. Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Sinh học

B. Vật lý

C. Khoa học Trái đất

D. Tâm lý học

Câu 5. Người ta sử dụng đơn vị nào sau đây để đo thể tích?

A. kilogam

B. mét

C. mét khối

D. độ C

Câu 6. Khi tiến hành làm thí nghiệm trong phòng thực hành, việc nào sau đây là *không* đảm bảo nguyên tắc an toàn?

A. Khi đun nước sôi trong ống nghiệm, học sinh dùng kẹp để kẹp ống nghiệm, hướng đầu ống nghiệm ra phía không có người.

B. Khi muốn tắt đèn cồn, học sinh dùng nắp đậy kín cho đến khi lửa tắt hẳn

C. Khi thấy đèn cồn đang cháy yếu, có thể rót thêm cồn để đèn cháy mạnh hơn.

D. Khi vào phòng học sinh thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.

Câu 7. Cân một túi hoa quả, kết quả là 1205 g. ĐCNN của cân đã dùng là

A. 100g.

B. 5 g.

C. 20 g.

c. 10g.

Câu 8. Theo thang nhiệt độ Xen-xi-út nhiệt độ nước đá đang tan là

A. 71°C

B. 100°C

C. 0°C

D. 37°C

Câu 9. Khi tiến hành đo độ dài của một vật, các thao tác sau đây là đúng hay sai?

A. Trước khi đo, cần chọn thước đo phù hợp.

B. Khi đo có thể đặt thước nghiêng để đo cho nhanh.

C. Khi đọc kết quả, mắt phải nhìn thẳng vuông góc với vạch chia trên thước.

D. Kết quả đo ghi theo ĐCNN của thước.

Câu 10. Ta có thể đi được trên mặt nước đóng băng đủ dày. Điều này thể hiện tính chất nào của chất rắn?

A. Dễ dàng lan tỏa trong không gian

C. Có hình dạng của vật chứa nó

B. Không chảy được

D. Có hình dạng cố định, không bị nén

Câu 11. Kính lúp là dụng cụ có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát:

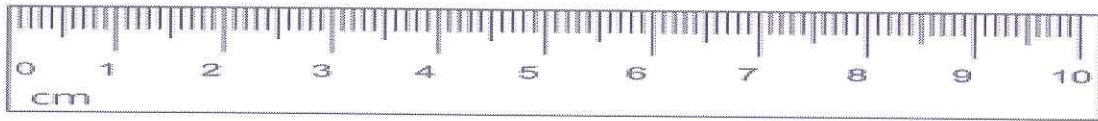
A. Khoảng 10 đến 1000 lần

B. Khoảng từ 40 đến 60 lần

C. Khoảng 40 đến 3000 lần

D. Khoảng từ 3 đến 20 lần

Câu 12. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước đo bên dưới lần lượt là



A. 10cm và 0,1cm

B. 10 cm và 1cm

C. 10 mm và 0,1 mm

D. 10 mm và 1mm

Câu 13. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100 m, loại đồng hồ thích hợp nhất là

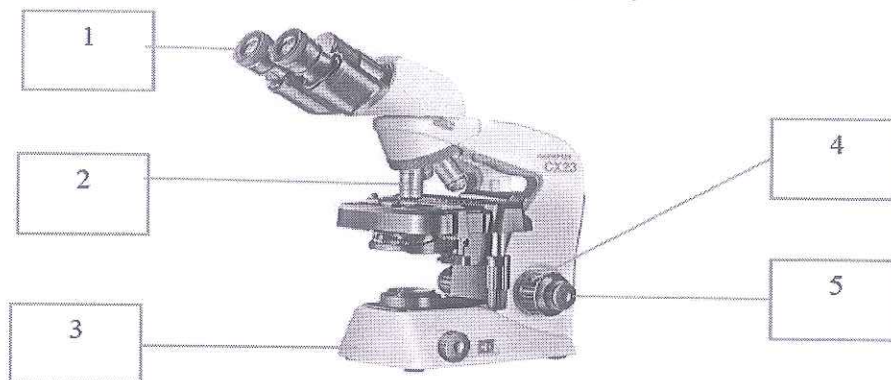
A. đồng hồ treo tường.

B. đồng hồ để bàn.

C. đồng hồ bấm giây.

D. đồng hồ cát.

Câu 14. Các bộ phận được chú thích trong hình sau lần lượt là:



Cấu tạo kính hiển vi quang học

A. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc nhỏ, 4. ốc to, 5. chân kính

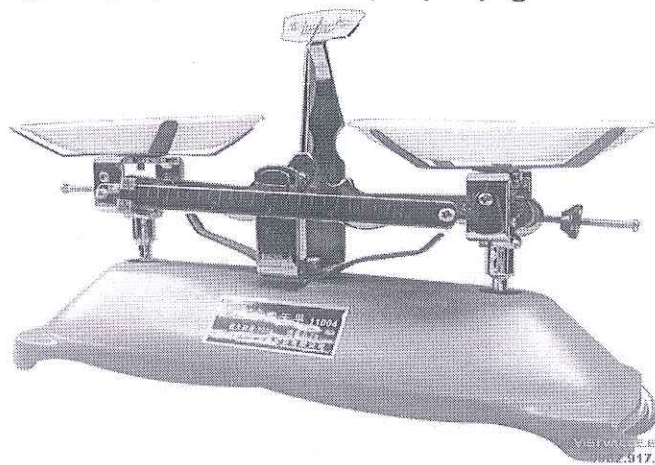
B. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc to, 5. ốc nhỏ

C. 1. thị kính, 2. vật kính, 3. chân kính, 4. ốc nhỏ, 5. ốc to

D. 1. vật kính, 2. thị kính, 3. ốc to, 4. ốc nhỏ, 5. chân kính

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một học sinh dùng dụng cụ sau để cân một vật nặng.



a. Tên gọi của dụng cụ trên là cân Rôbécvan.

b. Nếu cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng các quả cân.

c. Nếu sau khi cân thăng bằng, lấy bớt 1 quả cân ra khỏi đĩa cân, cân sẽ lệch về phía không chứa vật.

d. Giả sử vật kim loại ban đầu nặng 550g, để cân thăng bằng học sinh có thể sử dụng 2 quả cân 200g, 2 quả cân 100g và 1 quả cân 50g.

Câu 2: Một học sinh dùng nhiệt kế để đo nhiệt độ của nước đang sôi và nhiệt độ phòng. Sau đó, thực hiện chuyển đổi phép tính giữa các thang đo nhiệt độ.

a. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đang sôi, nhiệt kế chỉ 0°C .

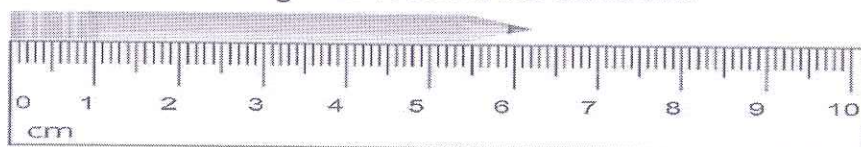
b. Khi đo nhiệt độ phòng, nhiệt kế chỉ 25°C . Nhiệt độ này tương ứng với 86°F .

c. Khi nhúng nhiệt kế vào nước đá đang tan, nhiệt độ khi đó ứng với 28°F .

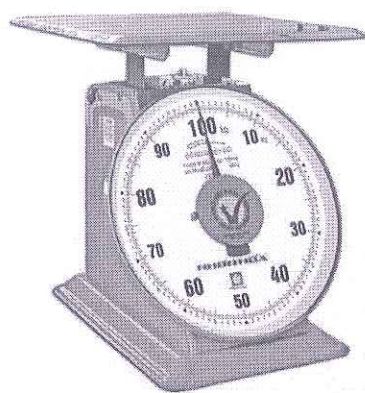
d. Sau khi đo nhiệt độ phòng, học sinh mang nhiệt kế ra ngoài trời, nhiệt kế thủy ngân tăng cao thêm 2cm. Biết rằng 1cm tương ứng với 5°C . Vậy nhiệt độ ngoài trời khi đó là 35°C .

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Độ dài của chiếc bút chì trong hình vẽ sau là bao nhiêu cm?



Câu 2: Giới hạn đo của chiếc cân sau là bao nhiêu kg?



Câu 3: Một người đi máy bay từ Hà Nội vào Đà Nẵng hết 1 giờ 15 phút. Thời gian này tương ứng với bao nhiêu phút?

Câu 4: Một kho hàng chở 1230kg vật phẩm. Khối lượng này ứng với bao nhiêu yến?

Câu 5: Một bình tràn có GHĐ 100cm^3 nước, người ta đổ vào bình 75cm^3 nước. Khi thả chìm một hòn đá vào trong bình thấy nước tràn ra 15cm^3 . Thể tích của hòn đá bằng bao nhiêu?

Câu 6: Có 2 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 100g đường nữa. Khối lượng của 2 túi đường khi đó là bao nhiêu kg?

II. Tự luận (3 điểm): Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu trả lời tự luận.

Câu 1 (1 điểm): Trình bày cách sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân?

Câu 2 (1,5 điểm): Các hiện tượng sau là ví dụ của sự chuyển thể nào?

a. Băng tan thành nước.

b. Nước trong chậu cạn dần khi phơi nắng.

c. Nước đọng trên nắp nồi khi đun nước.

d. Nước đóng băng trong tủ lạnh.

e. Nước biển sau khi phơi nắng còn lại muối ăn.

g. Bơ hoặc mỡ khi đun nóng chảy ra.

Câu 3 (0,5 điểm): Cho 4 loại thước sau:

- Thước 1: Thước thẳng có GHĐ 1m, ĐCNN 1cm.

- Thước 2: Thước kẻ có GHĐ 20cm, ĐCNN 1mm

- Thước 3: Thước cuộn có GHĐ 5m, ĐCNN 0,1cm

- Thước 4: Thước dây có GHĐ 1m, ĐCNN 0,1cm

Em hãy chọn thước đo phù hợp để đo:

a. Chiều dài của lớp học

b. Chiều dài chiếc bút bi